

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 61/2022/HS-PT

Ngày: 29 - 11 - 2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Kiều Duyên

Các Thẩm phán: Ông Lê Thành Tân

Ông Lâm Văn Năm

- Thư ký phiên tòa: Bà Tăng Thị Bích Trâm – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa:
Ông Phạm Văn Tâm - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 119/2022/TLPT-HS ngày 27 tháng 10 năm 2022 đối với bị cáo PĐN do có kháng cáo của bị cáo; bị hại BDS; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án chị BKQ, bà Lê Thị T, ông Bùi Văn R đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 12/2022/HS-ST ngày 03 tháng 3 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

- Bị cáo có kháng cáo, bị kháng cáo:

Họ và tên: PĐN, sinh năm: 2000 tại huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long.

Nơi cư trú: ấp Phú Th, xã Tân Ph, huyện TB, tỉnh Vĩnh Long; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ học vấn: 09/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn C và Thạch Thị M; tiền sự: không; tiền án: không.

Bị cáo đang chấp hành án tại Trại giam Công an tỉnh Vĩnh Long theo một bản án khác của Tòa án nhân dân huyện T; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Những người tham gia tố tụng khác có kháng cáo hoặc có liên quan đến kháng cáo:

- Bị hại: BDS, sinh năm: 1984.

Nơi cư trú: ấp Mỹ Ph, xã Tân M, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại:

1. Ông Nguyễn Quang D, Trợ giúp viên của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Vĩnh Long. (có mặt)

2. Ông Đặng Trọng T, Luật sư Văn phòng luật sư Thanh L thuộc Đoàn luật sư thành phố Cần Thơ. (có mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Chị BKQ, sinh năm: 1989; nơi cư trú: ấp Tường L, xã Tường L1, huyện TB, tỉnh Vĩnh Long. (có mặt)

2. Bà Lê Thị T, sinh năm: 1963; nơi cư trú: ấp Mỹ Ph, xã Tân M, huyện T, tỉnh Vĩnh Long. (vắng mặt)

- *Người đại diện của bà Lê Thị T:* anh Hồ Thanh Ph, sinh năm: 1979; nơi cư trú: số 29X2/4, khu vực 3, phường An K, quận Ninh K, thành phố CT (theo giấy ủy quyền ngày 28/7/2022). (có mặt)

3. Ông Bùi Văn R, sinh năm: 1964; nơi cư trú: Mỹ Ph, xã Tân M, huyện T, tỉnh Vĩnh Long. (có mặt)

4. Nguyễn Quỳnh Th, sinh năm: 1989; nơi cư trú: số 142, khóm 2, thị trấn TB1, huyện TB, tỉnh Vĩnh Long. (vắng mặt)

5. Lê Thị Thùy V, sinh năm: 1993; nơi cư trú: số 224/5, khu vực Tân A, phường Tân L, quận TN, thành phố Cần Thơ. (vắng mặt)

6. Nguyễn Thị Bích G, sinh năm: 1988; nơi cư trú: ấp Ông T, xã Trà Ô, huyện T, tỉnh Vĩnh Long. (vắng mặt)

7. Nguyễn Thị Trúc L, sinh năm: 1991; nơi cư trú: ấp Mỹ Tr, xã Mỹ Thạnh Tr, huyện TB, tỉnh Vĩnh Long. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 19 giờ ngày 26/3/2021, bị cáo PĐN nhận được điện thoại của anh MTL, cư trú tại ấp Tường Nh B, xã Tường L, huyện TB là bạn của bị cáo N với nội dung rủ bị cáo N cùng đi giải quyết mâu thuẫn của Nguyễn Quỳnh Th và BKQ tại nhà bà Lê Thị T là mẹ chị Q, cư trú tại ấp Mỹ Ph, xã Tân M, huyện T; bị cáo N đồng ý và chỉ chỗ kêu anh L lấy theo cái dao tự chế bằng kim loại dài 0,575 mét, cán bằng gỗ dài 0,185m, lưỡi dao dài 0,39m và hẹn gặp nhau tại bến phà Tân Nguyên Phú thuộc ấp Mỹ Ph, xã Tân M, huyện T. Khi bị cáo N đến bến phà thì thấy anh L ngồi sau xe mô tô do PĐT1 là anh ruột của bị cáo N điều khiển, chị Th điều khiển xe mô tô chở Nguyễn Thị Trúc L, Lê Thị Thùy V điều khiển xe mô tô chở một người tên Ng (không rõ họ tên và địa chỉ cụ thể) nên bị cáo N điều khiển xe mô tô đi cùng, trên đường đi thì chị Th có rủ và chở thêm Nguyễn Thị Bích G, lúc đến nhà bà T thì trong nhà có chị Q và cha mẹ, anh chị Q là ông Bùi Văn R và bà T; anh BDS; lúc này V, bà Th vào ngồi ở bàn ghế đá

trước cửa nhà để nói chuyện với Q nhằm xóa bỏ mâu thuẫn trong lúc đi dự tiệc, trong lúc nói chuyện thì xảy ra cự cãi với nhau nên V dùng tay đánh trúng vào vùng mặt của Q, lúc này anh S và bà T từ trong nhà đi ra can ngăn; bị cáo N nhìn thấy sợ V và Th bị đánh nên kêu anh L đưa dao tự chế đang cầm trên tay cho bị cáo N, vừa nói bị cáo N vừa đi tới chỗ anh L đứng lấy cái dao trên tay L đi về phía anh S, cùng lúc này T1 đi đến đẩy anh S té ngã xuống nền gạch, bị cáo N xông đến dùng dao cầm trên tay phải chém gây thương tích cho anh S ở vùng đùi; giữa căng chân trái sau đó quay ra vứt bỏ dao rồi lên xe mô tô điều khiển bỏ đi, Th và nhóm đi cùng kéo nhau ra về, anh S và chị Q được người thân đưa đi cấp cứu.

- Theo Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 81/2021/TgT ngày 12/5/2021 của Trung tâm pháp y – Sở y tế tỉnh Vĩnh Long, kết luận thương tích của anh BDS:

1. Dấu hiệu chính qua giám định:

- Vết thương mặt sau ngoài 1/3 giữa đùi trái kích thước khoảng 15 cm lộ cơ đứt do vật sắc gây nên, được điều trị, hiện tại vết thương kích thước 18x0,4cm, không ảnh hưởng thẩm mỹ.

- Vết thương mặt ngoài 1/3 giữa căng chân trái kích thước khoảng 10 cm lộ gân cơ đứt do vật sắc gây nên, được phẫu thuật điều trị hiện tại vết thương kích thước 9 x0,2cm, hạn chế gập duỗi chân trái.

2. Theo thông tư số 22/2019/TT-BYT ngày 28/8/2019. Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là 17%.

- Theo bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 82/2021/TgT ngày 12/5/2021 của Trung tâm pháp y – Sở y tế tỉnh Vĩnh Long kết luận thương tích của chị BKQ:

1. Dấu hiệu chính qua giám định: hiện tại không phát hiện thương tích vùng đầu, mình và các chi.

2. Theo thông tư số 22/2019/TT-BYT ngày 28/8/2019. Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là 0%.

Về trách nhiệm dân sự:

- Bị hại BDS yêu cầu bị cáo bồi thường tổng số tiền 1.031.009.475 đồng.

- Chị BKQ yêu cầu Nguyễn Quỳnh Th và những người liên quan bồi thường số tiền 110.732.134 đồng.

- Bị cáo N đồng ý bồi thường theo quyết định của Tòa án.

- Nguyễn Quỳnh Th và Lê Thị Thùy V không đồng ý bồi thường.

Về vật chứng được thu giữ: 01 cái dao tự chế bằng kim loại dài 0,575m, cán bằng gỗ dài 0,185m, lưỡi dao dài 0,39m.

Tại bản án Hình sự sơ thẩm số: 12/2022/HS-ST ngày 03 tháng 3 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện T đã quyết định:

1. Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 134 của Bộ luật Hình sự với tình tiết định khung theo quy định tại điểm a, i khoản 1 Điều 134 của Bộ luật Hình sự; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 56 của Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố bị cáo PĐN phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

Xử phạt bị cáo PĐN 03 (ba) năm tù.

Tổng hợp hình phạt với Bản án số 34/2021/HS-ST ngày 22/9/2021 của Tòa án nhân dân huyện T đã có hiệu lực pháp luật; xử phạt bị cáo 01 năm 06 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 04 năm 06 tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 01/5/2021.

2. Về trách nhiệm dân sự: căn cứ Điều 584; 585, 587, 589, 590 của Bộ luật Dân sự.

- Buộc bị cáo PĐN bồi thường cho bị hại BDS số tiền 166.966.000 đồng

- Buộc bị cáo PĐN bồi thường cho ông Bùi Văn R số tiền 22.500.000 đồng.

- Buộc chị Lê Thị Thùy V, chị Nguyễn Quỳnh Th, chị Nguyễn Thị Trúc L liên đới bồi thường cho chị BKQ số tiền 3.733.134 đồng.

3. Đề nghị Công an huyện T tiếp tục điều tra, xử lý đối với PD9T1 và MTL nếu có dấu hiệu đồng phạm với bị cáo PĐN

Ngoài ra Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về nghĩa vụ thi hành án, án phí, xử lý vật chứng và quyền kháng cáo vụ án theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 05 tháng 3 năm 2022 bị cáo PĐN có đơn kháng cáo với nội dung: yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét cho bị cáo được giảm nhẹ hình phạt.

- Ngày 17 tháng 3 năm 2022, bị hại BDS có đơn kháng cáo với nội dung yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét:

Về hình phạt: yêu cầu tăng nặng hình phạt đối với bị cáo N.

Về trách nhiệm dân sự: buộc bị cáo N bồi thường cho anh S các khoản chi phí tổng cộng là 1.031.009.475 đồng.

Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét quyết định khởi tố đối với MTL và PĐT1 có vai trò đồng phạm với bị cáo N để không bỏ lọt tội phạm trong vụ án.

- Ngày 17 tháng 3 năm 2022, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án chị BKQ có đơn kháng cáo với nội dung: yêu cầu cấp phúc thẩm xét xử lại vụ án theo hướng tăng nặng hình phạt đối với bị cáo N và buộc chị Lê Thị Thùy

V, Nguyễn Quỳnh Th, Nguyễn Thị Trúc L liên đới bồi thường các khoản chi phí tổng cộng là 110.732.134 đồng. Đồng thời yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm ban hành quyết định khởi tố đối với MTL và PĐT1 có vai trò đồng phạm với bị cáo N và ban hành quyết định khởi tố đối với Lê Thị Thùy V, Nguyễn Quỳnh Th, Nguyễn Thị Trúc L, bà Ng theo điểm h, m Điều 134 để không bỏ lọt tội phạm trong vụ án.

- Ngày 17 tháng 3 năm 2022, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án bà Lê Thị T có đơn kháng cáo với nội dung: yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử lại vụ án theo hướng tăng nặng hình phạt đối với bị cáo Nhân và buộc Nguyễn Quỳnh Th bồi thường các khoản chi phí tổng cộng 100.000.000 đồng cho bà. Đồng thời yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm ban hành quyết định khởi tố đối với MTL, PĐT1 có vai trò đồng phạm với bị cáo N và ban hành quyết định khởi tố đối với Lê Thị Thùy V, Nguyễn Quỳnh Th, Nguyễn Thị Trúc L, bà Ng theo khoản 2 Điều 158 để không bỏ lọt tội phạm trong vụ án.

- Ngày 17 tháng 3 năm 2022 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông Bùi Văn R có đơn kháng cáo với nội dung: yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử lại vụ án theo hướng tăng nặng hình phạt đối với bị cáo N và bị cáo N cùng đồng phạm bồi thường các khoản tổng cộng 111.900.000 đồng cho ông. Đồng thời yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm ban hành quyết định khởi tố đối với MTL và PĐT1 có vai trò đồng phạm với bị cáo N và ban hành quyết định khởi tố đối với Lê Thị Thùy V, Nguyễn Quỳnh Th, Nguyễn Thị Trúc L, bà Ng theo khoản 2 Điều 158 để không bỏ lọt tội phạm trong vụ án.

- Ngày 22 tháng 3 năm 2022 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông Bùi Văn R có đơn kháng cáo với nội dung: thay đổi không tăng nặng hình phạt đối với bị cáo còn tất cả các vấn đề còn lại giữ nguyên.

- Ngày 22 tháng 3 năm 2022, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án chị BKQ có đơn kháng cáo với nội dung thay đổi không tăng nặng hình phạt đối với bị cáo còn tất cả các vấn đề còn lại giữ nguyên.

- Ngày 22 tháng 3 năm 2022, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án bà Lê Thị T có đơn kháng cáo với nội dung: thay đổi không tăng nặng hình phạt đối với bị cáo còn tất cả các vấn đề còn lại giữ nguyên.

- Ngày 08 tháng 4 năm 2022, bị cáo PĐN đã có đơn xin rút kháng cáo.

- Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long ban hành quyết định đình chỉ số 28/2022/HSPT- QĐ ngày 10/5/2022.

- Ngày 15/9/2022 Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh ban hành quyết định số 48/2022/HS-GĐT có nội dung: hủy quyết định chỉ xét xử phúc thẩm số: 28/2022/HSPT- QĐ ngày 10/5/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long. Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay bị cáo trình bày: bị cáo giữ nguyên yêu cầu rút kháng cáo, việc bị cáo rút kháng cáo là tự nguyện.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long phát biểu quan điểm: sau khi phân tích hành vi phạm tội của bị cáo, phân tích các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ xác định cấp sơ thẩm xét xử bị cáo N mức án 03 năm tù là tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo. Đối với MTL và PĐT1 cơ quan điều tra đã tách ra xử lý sau, đối với kháng cáo yêu cầu tăng các khoản bồi thường là không được chấp nhận. Đề nghị căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 của Bộ luật Tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của bị hại, của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 12/2022/HS-ST ngày 03 tháng 3 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện T. Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 134 của Bộ luật Hình sự; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 56 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo PĐN 03 (ba) năm tù, về tội “Cố ý gây thương tích”. Tổng hợp hình phạt với Bản án số 34/2021/HS-ST ngày 22/9/2021 của Tòa án nhân dân huyện T đã có hiệu lực pháp luật; xử phạt bị cáo 01 năm 06 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 04 năm 06 tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 01/5/2021.

Về trách nhiệm dân sự: căn cứ Điều 584; 585, 587, 589, 590 của Bộ luật Dân sự.

- Buộc bị cáo PĐN bồi thường cho bị hại BDS số tiền 166.966.000 đồng
- Buộc bị cáo PĐN bồi thường cho ông Bùi Văn R số tiền 22.500.000 đồng.
- Buộc chị Lê Thị Thùy V, chị Nguyễn Quỳnh Th, chị Nguyễn Thị Trúc L liên đới bồi thường cho chị BKQ số tiền 3.733.134 đồng.

Trợ giúp viên pháp lý Nguyễn Quang D trình bày bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại S: về hình phạt đề nghị tăng hình phạt đối với bị cáo, hiện tại bị cáo chưa khắc phục cho bị hại, anh S bị tổn thương cơ thể hiện tại không thể lao động được, nên đề nghị sửa án tăng mức bồi thường cho bị hại S.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại trình bày: bị cáo N chưa thành khẩn khai báo, bị cáo hành xử bất chấp pháp luật, hành xử có tính côn đồ cần xử mức án 04 năm tù mới đúng với hành vi của bị cáo. Đề nghị Tòa án căn cứ khoản 4 Điều 153 của Bộ luật Tố tụng hình sự ra quyết định khởi tố đối với T1 và L để tránh bỏ lọt tội phạm. Về bồi thường đề nghị chấp nhận yêu cầu bồi thường của bị hại S.

Lời nói sau cùng của bị cáo: xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng; do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: khoảng 19 giờ ngày 26/3/2021, sau khi nhận được điện thoại của MTL rủ bị cáo N cùng đi giải quyết mâu thuẫn của Nguyễn Quỳnh Th và BKQ tại nhà bà Lê Thị T là mẹ chị Q, cư trú tại ấp Mỹ Ph, xã Tân M, huyện T; bị cáo N đồng ý và chỉ chỗ kêu anh L lấy theo cái dao tự chế bằng kim loại, hẹn gặp nhau tại bến phà Tân Nguyên Phú. Đến bến phà bị cáo N gặp L, T1, Th, L, Ng, V. Tất cả cùng đi đến nhà bà T, tại nhà bà T, Th, V nói chuyện với Q thì xảy ra cự cãi, V dùng tay đánh Q, anh BDS từ trong nhà đi ra can ngăn, bị cáo N sợ V, Th bị đánh nên kêu L đưa dao cho bị cáo N vừa nói bị cáo N vừa đi tới chỗ anh L đứng lấy cái dao trên tay L đi về phía anh S, cùng lúc này T1 đi đến đẩy anh S té ngã xuống nền gạch, bị cáo N xông đến dùng dao cằm trên tay phải chém gây thương tích cho anh S ở vùng đùi; giữa cẳng chân trái sau đó quay ra vứt bỏ cái dao rồi lên xe mô tô điều khiển bỏ đi, Th và nhóm đi cùng kéo nhau ra về, anh S và chị Q được người thân đưa đi cấp cứu. Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 81/2021/TgT ngày 12/5/2021 của Trung tâm pháp y – Sở y tế tỉnh Vĩnh Long, kết luận thương tích của anh BDS là 17%. Do đó cấp sơ thẩm xét xử bị cáo PĐN về tội “ Cố ý gây thương tích” là có căn cứ đúng người, đúng tội. Ngoài ra, trong quá trình điều tra L và T1 đã bỏ trốn cơ quan điều tra sẽ xử lý sau.

[3] Bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, tuy nhiên trong giai đoạn chờ xét xử phúc thẩm bị cáo rút kháng cáo nên cấp phúc không xem xét.

[4] Đối với kháng cáo của bị hại BDS yêu cầu tăng nặng hình phạt. Xét thấy mức án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo 03 năm tù là tương xứng với hành vi bị cáo gây ra, có xem xét hết các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, nên không có căn cứ tăng nặng hình phạt đối với bị cáo.

[4.1] Đối với yêu cầu bồi thường thiệt hại 1.031.009.475 đồng của bị hại BDS. Tại cấp sơ thẩm bị cáo đã tự nguyện bồi thường theo yêu cầu của bị hại các khoản: tiền xe cứu chữa, tái khám điều trị: 5.000.000 đồng; tiền thuốc, tiền điều trị: 2.900.000 đồng, tiền tổn thất tinh thần: 74.500.000 đồng; tiền ăn uống vật dụng sinh hoạt trong thời gian điều trị: 8.666.000 đồng; tiền bồi thường thiệt hại do vật nuôi bị chết 21.000.000 đồng; tiền bồi thường danh dự nhân phẩm 14.900.000 đồng. Đối với khoản tiền yêu cầu mất thu nhập cấp sơ thẩm xem xét bồi thường 40.000.000 đồng là có căn cứ, các khoản khác yêu cầu trợ cấp nuôi con là không được chấp nhận. Tổng cộng các khoản bị cáo tự nguyện bồi thường cấp sơ thẩm chấp nhận 166.966.000 đồng là có lợi cho bị hại. Do đó, không có căn cứ chấp nhận cho bị hại S.

[4.2] Đối với yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét quyết định khởi tố đối với MTL và PĐT1 có vai trò đồng phạm với bị cáo N để không bỏ lọt tội phạm trong vụ án. Quá trình điều tra L và T1 đã bỏ trốn, cơ quan điều tra đã tách ra xử lý sau là phù hợp nên không xem xét yêu cầu này.

[5] Đối với kháng cáo của ông Bùi Văn R với nội dung: yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử lại vụ án theo hướng buộc bị cáo N cùng đồng phạm bồi thường các khoản tổng cộng 111.900.000 đồng cho ông. Thấy rằng, ông R là người chăm sóc bị hại S trong thời gian bị bệnh, phía bị cáo đã đồng ý bồi thường cho ông R tiền chăm sóc người nuôi bệnh là 22.500.000 đồng có lợi cho ông R, ông R yêu cầu bồi thường tiền tổn thất tinh thần, tiền mất danh dự nhân phẩm là không căn cứ chấp nhận vì luật chỉ quy định bồi thường cho người bị hại để bù đắp tổn thất tinh thần, trong vụ án này ông R không phải là người bị hại. Do đó, không chấp nhận kháng cáo của ông R.

Ông R là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 65 của Bộ luật Tố tụng hình sự, ông R chỉ được kháng cáo bản án những vấn đề có liên quan trực tiếp đến quyền lợi nghĩa vụ của mình, nên những vấn đề ông R kháng cáo như tăng hình phạt, yêu cầu khởi tố đối với MTL và PĐT1, khởi tố đối với Lê Thị Thùy V, Nguyễn Quỳnh Th, Nguyễn Thị Trúc L, bà Ng theo khoản 2 Điều 158 để không bỏ lọt tội phạm trong vụ án là không được xem xét.

[6] Đối với kháng cáo của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án chị BKQ, bà Lê Thị T, thấy rằng cấp sơ thẩm đã xác định sai tư cách tố tụng, xác định chị Q, bà T là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là không đúng. Trong vụ án này chị Q, Th, V, bà T không có tư cách tham gia tố tụng, việc chị Q, bà T yêu cầu chị Th, V phải bồi thường thiệt hại cho chị Q và bà T là một vụ án dân sự, không liên quan trong vụ án hình sự, chính vì xác định sai tư cách tố tụng, nên từ đó cho chị Q và bà T kháng cáo là không đúng. Tuy nhiên, trong vụ án này cấp sơ thẩm buộc chị Lê Thị Thùy V, chị Nguyễn Quỳnh Th, chị Nguyễn Thị Trúc L liên đới bồi thường cho chị BKQ số tiền 3.733.134 đồng, chị Th, V, L không kháng cáo, mức bồi thường cho chị Q là phù hợp quy định pháp luật nên không cần thiết phải hủy phần dân sự này, cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm. Đối với yêu cầu bồi thường của bà T là không căn cứ như đã nhận định trên, bà T không liên quan trong vụ án, nên không được xem xét. Các nội dung kháng cáo khác của bà T và chị Q là không thuộc phạm vi xét xử của vụ án nên không xem xét.

[7] Lời phát biểu của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ.

[8] Về án phí hình sự phúc thẩm: không ai phải chịu án phí phúc thẩm

[9] Các Quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Không chấp nhận kháng cáo của bị hại BDS, không chấp nhận kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Bùi Văn R. Giữ nguyên hình phạt đối với bị cáo PĐN, giữ nguyên yêu cầu bồi thường thiệt hại.

Không chấp nhận kháng cáo của chị BKQ và bà Lê Thị T.

1. Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 134 của Bộ luật Hình sự, điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo PĐN 03 (ba) năm tù, về tội “Cố ý gây thương tích”.

Căn cứ Điều 56 của Bộ luật Hình sự.

Tổng hợp hình phạt Bản án số 34/2021/HS-ST ngày 22/9/2021 của Tòa án nhân dân huyện T, về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 04 năm 06 tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 01/5/2021.

2. Về trách nhiệm dân sự: căn cứ Điều 584; 585, 587, 589, 590 của Bộ luật Dân sự.

- Buộc bị cáo PĐN bồi thường cho bị hại BDS số tiền 166.966.000 đồng

- Buộc bị cáo PĐN bồi thường cho ông Bùi Văn R số tiền 22.5000.000 đồng.

- Buộc chị Lê Thị Thùy V, chị Nguyễn Quỳnh Th, chị Nguyễn Thị Trúc L liên đới bồi thường cho chị BKQ số tiền 3.733.134 đồng.

Các Quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDTC: 01;
- TANDCC: 01;
- VKSNDCC: 01;
- VKSND TVL: 02;
- TAND H T: 02;
- VKSND + CQĐT H T: 02;
- CQTHADS + THAHS H T: 02;
- TG + BC: 02;
- PHSCAVL: 01;
- STP: 01;
- UBND, CA xã Tân Ph: 02;
- Lưu VP, P.KTNV, lưu hồ sơ vụ án: 02.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Huỳnh Thị Kiều Duyên

